

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Cân đối NSDP		Sử dụng đất	XSKT
TỔNG SỐ							4.031.125	2.304.989	2.400.600	1.308.986	728.484	242.347	19.407	466.730	
A	Vốn chuẩn bị đầu tư						11.685	11.685			4.689	4.689			
I	Bộ Chỉ huy quân sự						1.122	1.122			700	700			
1	Sửa chữa nhà công vụ Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ	Phường Tân An, thành phố Cần Thơ	C		2026	434/UBND-XĐĐT 23/01/2026; 458/QĐ-BCH 02/02/2026	166	166			150	150			
2	Đầu tư khác	Phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ	C		2026	434/UBND-XĐĐT 23/01/2026; 457/QĐ-BCH 02/02/2026	160	160			150	150			
3	Bệnh viện Quân dân y (giai đoạn 3)	xã Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	C		2026	434/UBND-XĐĐT 23/01/2026; 456/QĐ-BCH 02/02/2026	796	796			400	400			
II	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố						1.089	1.089			1.089	1.089			
1	Đầu tư khác	các xã Trần Đề, Cù Lao Dung và Lai Hòa	C		2026	283/QĐ-BCHBP, 16/3/2026	423	423			423	423			
2	Đầu tư khác	Phường Phú Lợi	C		2026	282/QĐ-BCHBP, 16/3/2026	666	666			666	666			
III	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố						9.474	9.474			2.900	2.900			
1	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và chỉnh trang đô thị một số tuyến đường trọng yếu trong khu vực trung tâm	TP Cần Thơ	B		2026-2028	434/UBND-XĐĐT ngày 23/01/2026 173/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	1.379	1.379			200	200			
2	Cải tạo, sửa chữa công trình nhà bao che và ghế ngồi trường quay có khán giả của Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ	Phường Tân An, TP Cần Thơ	C		2026-2028	434/UBND-XĐĐT ngày 23/01/2026 178/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	1.004	1.004			300	300			
3	Hạ tầng tuyến đường số 12, số 13 (nhánh trái) thuộc Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn Cái Sơn - Hàng Bàng đến Đường tỉnh 923)	Phường An Bình, TP Cần Thơ	C		2026-2028	434/UBND-XĐĐT ngày 23/01/2026 172/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	637	637			100	100			
4	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Sản - Nhi Hậu Giang	Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	463/UBND-XĐĐT ngày 26/01/2026 164/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	550	550			300	300			
5	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế khu vực Châu Thành	Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	463/UBND-XĐĐT ngày 26/01/2026 165/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	200	200			100	100			
6	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Ngã Bảy	Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	463/UBND-XĐĐT ngày 26/01/2026 166/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	200	200			100	100			
7	Nâng cấp trung tâm y tế khu vực Phụng Hiệp	xã Hiệp Hưng, thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	463/UBND-XĐĐT ngày 26/01/2026 167/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	200	200			100	100			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Cân đối NSDP	Sử dụng đất		XSKT
8	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Tâm thần - Da liễu Hậu Giang	Phường Vị Thanh, Thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	463/UBND-XDDT ngày 26/01/2026 168/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	520	520			300	300			
9	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi Hậu Giang	Phường Vị Thanh, Thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	463/UBND-XDDT ngày 26/01/2026 169/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026	520	520			300	300			
10	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh	phường Vị Thanh và xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ	B		2013-2028	875/UBND-XDDT ngày 14/02/2026 202/QĐ-BQLDA ngày 06/3/2026	849	849			200	200			
11	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng tuyến đường huyện 26 và đường huyện 29	Xã Long Phú, xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ	C	8163748	2026-2028	2749/UBND-XDDT ngày 02/12/2025 222/QĐ-BQLDA ngày 09/3/2026	1.431	1.431			500	500			
12	Khu tái định cư phường Thới An	Phường Ô Môn thành phố Cần Thơ	B		2026-2029	907/UBND-XDDT ngày 26/8/2025 234/QĐ-BQLDA ngày 09/9/2025 360/QĐ-BQLDA ngày 13/4/2026	1.324	1.324			100	100			
13	Đầu tư nâng cấp mở rộng ĐH 46A (đoạn từ xã Vĩnh Hiệp đến ĐT 940), phường Khánh Hòa, phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ	phường Khánh Hòa và phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ	C		2026-2028	2305/UBND-XD, 27/6/2025 337/QĐ-BQLDA ngày 06/4/2026	660	660			300	300			
B	Vốn thực hiện dự án						4.019.440	2.293.304	2.400.600	1.308.986	723.795	237.658	19.407	466.730	
I	Sở Nông nghiệp và Môi trường						26.068	26.068	24.722	24.722	59	59			
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						26.068	26.068	24.722	24.722	59	59			
1	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang (cũ) nay là TP. Cần Thơ	C	8025871	2023-2025	137/QĐ-SKHĐT, 24/7/2023	13.000	13.000	12.574	12.574	12	12			
2	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông nguy hiểm đê sông Nhu Gia, khu vực Cống Tam Sóc, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	xã Mỹ Tú	C	8116040	2024-2026	2520/QĐ-UBND, 22/10/2024 ; 1540/QĐ-UBND, 23/6/2025	13.068	13.068	12.148	12.148	47	47			
II	Sở Y tế						2.071.947	465.898	342.299	70.249	395.649			395.649	
**	Dự án chuyển tiếp						2.071.947	465.898	342.299	70.249	395.649			395.649	
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường)	phường An Bình	A	7526068	2015-2026	223/QĐ-UBND 25/01/2017; 2497/QĐ-UBND 08/8/2022; 3443/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.071.947	465.898	342.299	70.249	395.649			395.649	
III	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang						17.032	17.032	10.673	10.673	111	111			
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						17.032	17.032	10.673	10.673	111	111			
1	Dự án: Đầu tư xây dựng ½ tuyến Đường số 5 và Đường số 9 Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Sóng Hậu đợt 2 – giai đoạn 1	xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ	C	7932324	2022-2024	553/QĐ-UBND, 17/02/2022	17.032	17.032	10.673	10.673	111	111			
IV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố						175.963	58.963	160.356	43.831	805		805		
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						175.963	58.963	160.356	43.831	805		805		
1	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 938 (đoạn từ Đường tỉnh 939 đến Đường tỉnh 940), tỉnh Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng (cũ) nay là TP. Cần Thơ	B	7881021	2021-2024	1277/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 2371/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	175.963	58.963	160.356	43.831	805		805		
V	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp						919.690	919.690	1.368.227	665.188	79.471	3.243	18.028	58.200	
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						258.574	258.574	940.469	237.430	743	743			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Cân đối NSDP	Sử dụng đất		XSKT
1	Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	thành phố Cần Thơ	B	7616437	2017-2024	2756/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	258.574	258.574	940.469	237.430	743	743			
**	Dự án chuyển tiếp						483.067	483.067	426.796	426.796	3.028		3.028		
1	Khu Tái định cư Mái Dầm	Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ	B	7961012	2023-2026	83/QĐ-UBND ngày 14/01/2025	483.067	483.067	426.796	426.796	3.028		3.028		
***	Dự án khởi công mới						178.049	178.049	962	962	75.700	2.500	15.000	58.200	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường huyện 22	Xã Đại Ngãi - xã Trường Khánh - xã Tân Thạnh -phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ	C	8163741	2026	140/QĐ-SXD, ngày 02/02/2026	19.500	19.500	224	224	5.000		5.000		
2	Mở rộng huyện lộ 43 (đoạn từ chùa Hải phước An đến Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây), thành phố Cần Thơ.	phường Vĩnh Châu, xã Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ.	C	8163754	2026-2028	721/QĐ-UBND, ngày 13/02/2026	70.000	70.000	350	350	10.000		10.000		
3	Đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Kế Sách (nay là các xã: Nhon Mỹ, Phong Năm, An Lạc Thôn, Kế Sách, Thới An Hội, Đại Hải)	xã: Nhon Mỹ, Phong Năm, An Lạc Thôn, Kế Sách, Thới An Hội, Đại Hải	C	8163371	2026-2028	744/QĐ-UBND, ngày 14/02/2026	86.500	86.500	300	300	7.000			7.000	
4	Hệ thống phòng cháy chữa cháy khu Ký túc xá Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	C	8131746	2026-2027	322/QĐ-SXD, ngày 12/3/2026	2.049	2.049	88	88	1.200			1.200	
6	Đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên (nay là các phường, xã: Mỹ Xuyên, Hòa Tú, Gia Hòa, Nhu Gia, Ngọc Tỏ)	xã Mỹ Xuyên, xã Hòa Tú, xã Gia Hòa, xã Nhu Gia, xã Ngọc Tỏ	C	8163366	2026-2028	1783/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	62.105	62.105	250	250	50.000			50.000	
7	Sửa chữa, cải tạo Câu lạc bộ hưu trí thành phố Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	C	8179800	2026-2028	484/QĐ-SXD ngày 15/4/2026	3.114	3.114			2.500	2.500			
VI	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thốt Nốt						9.366	9.366	250	250	3.000	3.000			
***	Dự án khởi công mới						9.366	9.366	250	250	3.000	3.000			
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc phường Thốt Nốt, phường Trung Nhứt, phường Thuận Hưng	Phường Thốt Nốt, Phường Trung Nhứt, Phường Thuận Hưng,	C	8162944	2026-2027	98/QĐ-SXD, ngày 26/01/2026	9.366	9.366	250	250	3.000	3000			
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phong Điền						8.130	8.130	546	546	6.205	6.205			
***	Khởi công mới						8.130	8.130	546	546	6.205	6.205			
1	Nâng cấp duy tu trụ sở Ban CHQS huyện và nhà ở dân quân thường trực	xã Nhon Ái	C	8104242	2026	4724/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 787/QĐ-UBND ngày 12/8/2025	5.779	5.779	246	246	4.155	4.155			
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Nhon Ái	xã Nhon Ái	C	8162486	2026	365/QĐ-SXD, ngày 25/3/2026	2.351	2.351	300	300	2.050	2.050			
VIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy						42.070	38.983	11.826	11.826	26.433	14.195		12.238	
**	Dự án chuyển tiếp						27.085	23.998	11.236	11.236	12.238			12.238	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho hợp tác xã Nông nghiệp Kim Ngoan	xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ	C	8053232	2023-2026	464/QĐ-SXD, ngày 04/11/2025 108/QĐ-SXD ngày 27/01/2026	9.523	9.373	3.926	3.926	5.447			5.447	
2	Dự án Hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế, chế biến cho Hợp tác xã nông nghiệp Vị Thanh	xã Vị Thanh 1, thành phố Cần Thơ	C	8133716	2025-2027	470/QĐ-SXD, ngày 04/11/2025	5.500	5.500	2.230	2.230	3.270			3.270	
3	Dự án Hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế, chế biến cho Hợp tác xã Thanh Phát	xã Vĩnh Tường, thành phố Cần Thơ	C	8133717	2025-2027	465/QĐ-SXD, ngày 04/11/2025	6.072	5.781	2.380	2.380	3.401			3.401	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Cân đối NSDP	Sử dụng đất	
4	Hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa cho các Hợp tác xã trên địa bàn huyện Vị Thủy	xã Vị Thanh 1; xã Vĩnh Thuận Đông; xã Vĩnh Tường, thành phố Cần Thơ	C	8133718	2025-2027	175/QĐ-STC, ngày 05/11/2025	5.990	3.344	2.700	2.700	120			120
***	Dự án khởi công mới						14.985	14.985	590	590	14.195	14.195		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Vĩnh Thuận Đông, xã Vĩnh Tường, xã Vị Thanh 1, xã Vị Thủy	xã Vĩnh Thuận Đông, xã Vĩnh Tường, xã Vị Thanh, xã Vị Thủy, thành phố Cần Thơ	C	8162485	2026	115/QĐ-SXD, ngày 28/01/2026	14.985	14.985	590	590	14.195	14.195		
IX	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1						10.986	10.986	450	450	10.013	10.013		
***	Dự án khởi công mới						10.986	10.986	450	450	10.013	10.013		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc phường Long Mỹ, phường Long Phú 1, phường Long Bình	phường Long Mỹ, phường Long Phú 1, phường Long Bình, thành phố Cần Thơ	C	8163375	2026	109/QĐ-SXD, ngày 28/01/2026	10.986	10.986	450	450	10.013	10.013		
X	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 2						6.260	6.260	200	200	5.964	5.964	-	-
***	Dự án khởi công mới						6.260	6.260	200	200	5.964	5.964	-	-
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Xà Phiền, xã Lương Tâm	xã Xà Phiền, xã Lương Tâm	C	8162484	2026-2027	118/QĐ-SXD, ngày 29/01/2026	6.260	6.260	200	200	5.964	5.964		
XI	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A						31.446	31.446	18.559	18.559	11.163	10.520	-	643
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng						20.609	20.609	18.242	18.242	643	-	-	643
1	Trường Mầm non Anh Đào	xã Đồng Phước	C	7877646	2021-2024	524/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	20.609	20.609	18.242	18.242	643			643
***	Dự án khởi công mới						10.837	10.837	317	317	10.520	10.520	-	-
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Trường Long Tây, xã Thạnh Xuân	xã Trường Long Tây và xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ	C	8162488	2026-2027	96/QĐ-SXD, ngày 26/01/2026	10.837	10.837	317	317	10.520	10.520		
XII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp						16.523	16.523	500	500	16.022	16.022		
***	Dự án khởi công mới						16.523	16.523	500	500	16.022	16.022		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Hiệp Hưng, xã Phương Bình, xã Tân Bình, xã Thạnh Hòa, xã Tân Phước Hưng, xã Hòa An, xã Phụng Hiệp	Xã Hiệp Hưng, xã Phương Bình, xã Tân Bình, xã Thạnh Hòa, xã Tân Phước Hưng, xã Hòa An, xã Phụng Hiệp thành phố Cần Thơ	C	8162483	2026-2027	97/QĐ-SXD, ngày 26/01/2026	16.523	16.523	500	500	16.022	16.022		
XIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Cù Lao Dung						5.715	5.715	450	450	4.324	4.324		
***	Dự án khởi công mới						5.715	5.715	450	450	4.324	4.324		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc xã An Thạnh, xã Cù Lao Dung	xã Thạnh An-xã Cù Lao Dung	C	8163370	2026-2027	110/QĐ-SXD ngày 28/01/2026	5.715	5.715	450	450	4.324	4.324		
XIV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vĩnh Châu						19.994	19.994	500	500	19.494	19.494		
***	Dự án khởi công mới						19.994	19.994	500	500	19.494	19.494		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc phường Vĩnh Châu, phường Vĩnh Phước, phường Khánh Hòa, xã Vĩnh Hải, xã Lai Hòa	Phường Vĩnh Châu, phường Vĩnh Phước, phường Khánh Hòa, xã Vĩnh Hải, xã Lai Hòa, thành phố Cần Thơ	C	8163368	2026	95/QĐ-SXD, ngày 26/01/2026	19.994	19.994	500	500	19.494	19.494		
XV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thạnh Trị						16.016	16.016	850	850	15.166	15.166		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Cân đối NSDP	Sử dụng đất	
***	Dự án khởi công mới													
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Phú Lộc, xã Lâm Tân, xã Vĩnh Lợi	xã Phú Lộc, xã Lâm Tân, xã Vĩnh Lợi	C	8163103	2026-2027	126/QĐ-SXD, ngày 29/01/2026	16.016	16.016	850	850	15.166	15.166		
XVI	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Phú						19.967	19.967	750	750	18.300	18.300		
***	Dự án khởi công mới						19.967	19.967	750	750	18.300	18.300		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Trường Khánh, xã Đại Ngãi, xã Long Phú, xã Tân Thạnh	xã Trường Khánh, xã Đại Ngãi, xã Long Phú, xã Tân Thạnh	C	8162940	2026-2027	171/QĐ-SXD, ngày 04/02/2026	19.967	19.967	750	750	18.300	18.300		
XVII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ngã Năm						18.650	18.650	540	540	18.110	18.110		
***	Dự án khởi công mới						18.650	18.650	540	540	18.110	18.110		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc phường Mỹ Quới, phường Ngã Năm, xã Tân Long	Phường Mỹ Quới, phường Ngã Năm, xã Tân Long, thành phố Cần Thơ	C	8162946	2026-2027	184/QĐ-SXD, ngày 06/02/2026	18.650	18.650	540	540	18.110	18.110		
XVIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mỹ Xuyên						17.466	17.466	960	960	16.199	16.199		
***	Dự án khởi công mới						17.466	17.466	960	960	16.199	16.199		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc phường Mỹ Xuyên, xã Ngọc Tô, xã Nhu Gia, xã Gia Hòa	Phường Mỹ Xuyên, xã Ngọc Tô, xã Nhu Gia, xã Gia Hòa	C	8163028	2026	185/QĐ-SXD, ngày 09/02/2026	17.466	17.466	960	960	16.199	16.199		
XIX	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Kế Sách						13.681	13.681	300	300	13.000	13.000		
***	Dự án khởi công mới						13.681	13.681	300	300	13.000	13.000		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Đại Hải, xã Thới An Hội, xã Phong Năm, xã An Lạc Thôn, xã Nhơn Mỹ	xã Thới An Hội, xã Phong Năm, xã An Lạc Thôn, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ	C	8163371	2026-2028	195/QĐ-SXD, ngày 10/02/2026	13.681	13.681	300	300	13.000	13.000		
XX	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành						17.011	17.011	590	590	16.421	16.421		
***	Dự án khởi công mới						17.011	17.011	590	590	16.421	16.421		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Thuận Hòa, xã An Ninh, xã Hồ Đắc Kịch	Xã Thuận Hòa; xã An Ninh và xã Hồ Đắc Kịch	C	8163027	2026	196/QĐ-SXD, ngày 10/02/2026	17.011	17.011	590	590	16.421	16.421		
XXI	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh						5.491	5.491	184	184	5.307	5.307		
***	Dự án khởi công mới						5.491	5.491	184	184	5.307	5.307		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Phường Vị Tân, xã Hoà Lự	phường Vị Tân, xã Hòa Lự, thành phố Cần Thơ	C	8164359	2026-2027	230/QĐ-SXD, ngày 26/02/2026	5.491	5.491	184	184	5.307	5.307		
XXII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành B						19.475	19.475	450	450	19.024	19.024		
***	Dự án khởi công mới						19.475	19.475	450	450	19.024	19.024		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc xã Đông Phước, xã Phú Hữu	xã Đông Phước, xã Phú Hữu thành phố Cần Thơ	C	8162482	2026-2027	342/QĐ-SXD, ngày 16/3/2026	19.475	19.475	450	450	19.024	19.024		
XXIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Mỹ Tú						10.154	10.154	580	580	9.000	9.000		
***	Dự án khởi công mới						10.154	10.154	580	580	9.000	9.000		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc xã Mỹ Hương, xã Long Hưng, xã Mỹ Tú	xã Mỹ Hương, xã Long Hưng, xã Mỹ Tú	C	8163369	2026-2028	354/QĐ-SXD ngày 20/3/2026	10.154	10.154	580	580	9.000	9.000		
XXIV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Trần Đề						15.367	15.367	750	750	13.700	13.700		
***	Dự án khởi công mới						15.367	15.367	750	750	13.700	13.700		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch/ Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025		Kế hoạch năm 2026			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Cân đối NSDP	Sử dụng đất		XSKT
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc xã Thanh Thới An, xã Tài Văn, xã Lịch Hội Thượng, xã Liêu Tú, xã Trần Đề	Xã Thanh Thới An, xã Tài Văn, xã Lịch Hội Thượng, xã Liêu Tú, xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ	C	8162671	2026-2027	449/QĐ-SXD, ngày 09/4/2026	15.367	15.367	750	750	13.700	13.700			
XXV	Bảo và Phát thanh truyền hình Cần Thơ						146.906	146.906	139.741	139.741	281	281			
*	<i>Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng</i>						<i>146.906</i>	<i>146.906</i>	<i>139.741</i>	<i>139.741</i>	<i>281</i>	<i>281</i>			
1	Hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật phát thanh và truyền hình theo hướng truyền thông đa phương tiện	phường Tân An	B	7856084	2022-2025	1604/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021	146.906	146.906	139.741	139.741	281	281			
XXVI	Sở Xây dựng						358.066	358.066	315.347	315.347	574	574			
*	<i>Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng</i>						<i>358.066</i>	<i>358.066</i>	<i>315.347</i>	<i>315.347</i>	<i>574</i>	<i>574</i>			
1	Cầu Tây Đô, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	xã Phong Điền	B	7861307	2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 1951/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	225.075	225.075	201.695	201.695	488		488		
2	Cầu Cờ Đỏ trên đường tỉnh 919, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	xã Cờ Đỏ	B	7861308	2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	132.991	132.991	113.652	113.652	86		86		